

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày: 16-3-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Ngô Thái Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Thành T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 448/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Phạm Phú T**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 35/23C, Đường Trần Đình X, phường Cầu K, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng ĐKTT: Khu phố 3, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Phú T trình bày:

Vào ngày 18/5/2017, ông T và vợ chồng anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Diễm T2 có ký hợp đồng vay tài sản có thế chấp quyền sử dụng đất, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 431569, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01076, do Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp ngày 09/6/2005 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3, diện tích 120 m², tọa lạc tại thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre; quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 209435, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01149 do Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp ngày 21/10/2005, đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 3, diện tích 129 m², tọa lạc tại thị trấn BĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền vay là 02 tháng, kể từ ngày 18/5/2017, lãi suất là 0,75%/tháng. Tại thời điểm ký hợp đồng vay có thế chấp quyền sử dụng đất, bên ông T và bên anh T1, chị T2 đều biết quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ cho Kản vay khác.

Vào ngày 15/7/2017, vợ chồng anh T1, chị T2 tiếp tục vay của ông T số tiền 160.000.000 đồng để đóng lãi cho số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đồng thời, vợ chồng anh T1, chị T2 cam kết từ ngày 18/7/2017 đến ngày 18/8/2017, bên anh T1, chị T2 sẽ hoàn trả tất cả tiền vốn và tiền lãi cho ông T, nhưng đến hạn bên anh T1, chị T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Phú T có yêu cầu thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ xét xử buộc anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông T số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngoài ra, bên bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền lãi của số tiền vốn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời gian tính từ ngày 19/7/2017 đến ngày 16/3/2021 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 03 năm 07 tháng 27 ngày theo mức lãi suất 10%/năm và 0,83%/tháng. Với tổng số tiền lãi là 365.570.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền bên anh T1 và chị T2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông T là 1.365.570.000 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), tuy nhiên, bên anh T1, chị T2 có chuyển Kản trả lãi cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không nhớ rõ thời gian.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Phú T yêu cầu anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền là 1.345.570.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), Đồng thời, ông T không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bên bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, không trình bày ý kiến, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên ông Phạm Phú T.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Buộc anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phạm Phú T số tiền vay còn thiếu là 1.345.570.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T1, chị T2 vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt anh T1, chị T2 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án: Do quan hệ quen biết từ trước nên vào ngày 18/5/2017, ông Phạm Phú T và anh Huỳnh Văn T1, chị Nguyễn Thị Diễm T2 có ký hợp đồng vay tài sản có thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng BD. Tuy nhiên, tài sản thế chấp là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3,

diện tích 120 m²; thửa đất số 83, tờ bản đồ số 3, diện tích 129 m², cùng tọa lạc tại thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre, trước đó đã được bên Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 thế chấp tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ cho Kản vay khác. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản có thể chấp quyền sử dụng đất mà hai bên đã ký kết là ý chí tự nguyện của hai bên đã được Văn phòng công chứng BÐ công chứng đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, do đó, hợp đồng hai bên ký kết đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là hợp pháp. Tại thời điểm ký kết, bên nguyên đơn Phạm Phú T và bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 thỏa thuận phải có nghĩa vụ trả lãi 0,75%/tháng và thời hạn vay là hai tháng, kể từ ngày 18/5/2017. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, bên bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là quy phạm quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Phú T yêu cầu Tòa án xem xét tính mức lãi suất là 10%/năm và 0,83%/tháng kể từ ngày 19/7/2017 đến ngày 16/3/2021 (Ngày xét xử sơ thẩm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại Công văn số 530/UBND ngày 11/12/2019, Ủy ban nhân dân thị trấn BÐ xác nhận anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 có đăng ký kết hôn theo luật định, đồng thời hợp đồng vay tài sản có thể chấp quyền sử dụng đất cả anh T1 và chị T2 cùng ký tên vào hợp đồng. Do đó, chị T2 và anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông T là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Phú T đối với anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Huỳnh Văn T1 và chị Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phạm Phú T số tiền vay còn thiếu là 1.345.570.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó, vốn là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi là 345.570.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các Khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu Khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị Diễm T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 52.367.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Phạm Phú T số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 29.664.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002196 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Phạm Phú T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thị Diễm T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BÐ;
- Chi cục THADS huyện BÐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi